

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 263/2019/QĐST-HNGĐ

Dĩ An, ngày 25 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 212; 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 356/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1975 và anh Trần Nguyên T2, sinh năm 1970; cùng thường trú: Số 21/9, khu phố P 2, phường B, thị xã A, tỉnh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ngày 17 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh T1 và anh Trần Nguyên T2.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T1 và anh Trần Nguyên T2 thuận tình ly hôn (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 13/2002HT-KH, quyển số 04

ngày 23/4/2002 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện A (nay là phường B, thị xã A), tỉnh D cấp).

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Hoài T3, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Trần Nguyên T4, sinh ngày 24/4/2002. Khi ly hôn anh Trần Nguyên T2 đồng ý giao con chung tên Trần Nguyên T4, sinh ngày 24/4/2002 cho chị Trần Thị Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Thanh T1 về việc không yêu cầu anh Trần Nguyên T2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Trần Nguyên T2 và chị Trần Thị Thanh T1 có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Trần Nguyên T2 lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì chị Trần Thị Thanh T1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Trần Nguyên T2 theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị Thanh T1 và anh Trần Nguyên T2 chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0028417 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Đương sự;
- UBND P. B, TX. A, T. D;
- Lưu: VP; Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Hoàng